

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:27/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 6 năm 2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.

2- Ông **Thạch Hương**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung**, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà **Dương Thị Tiểu My** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 10/246, khóm Tr, phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn: Chị **Lê Thị Ánh T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 56A/8, khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H**.

Trụ sở: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C Ph, phường S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn P** (văn bản ủy quyền ngày 10/3/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn S là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ánh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình. Năm 2017 anh đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố B nhưng sau đó đã rút lại yêu cầu ly hôn để anh và chị T có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, việc hàn gắn tình cảm không đạt được kết quả như mong muốn. Thực tế, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Thảo Tr, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Trần Thanh Th, sinh ngày 17/12/2015 (hiện cả hai cháu đang sống cùng chị T). Khi ly hôn anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Thảo Tr, đồng ý giao cháu Trần Thanh Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cháu Tr và anh cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Th. Tại phiên tòa hôm nay anh S đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh và chị T có khoản nợ chung sau: Ngày 31/10/2016 chị T có đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số CR 0050007909 vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 35.000.000 đồng, đây là nợ chung của anh và chị T. Tuy nhiên, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu cá nhân chị T trả số tiền còn nợ lại là 32.832.837 đồng (trong đó nợ gốc 26.967.571 đồng và tiền nợ lãi 5.865.266 đồng), đồng thời chị T cũng đồng ý tự chịu trách nhiệm trả số tiền nợ này nên anh cũng đồng ý với yêu cầu của Công ty và chị T.

** Quá trình giải quyết vụ kiện, chị Lê Thị Ánh T là bị đơn trình bày:*

-Về hôn nhân: Năm 2009 chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng và đến năm 2015 thì có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 11/2016 chị nghi ngờ anh S có quan hệ với người phụ nữ khác nên đã đuổi anh S ra khỏi nhà, từ đó cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân. Trước đây, anh S đã từng nộp đơn ly hôn 01 lần tại Tòa án thành phố B nhưng anh S đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, thực tế từ sau khi anh S rút đơn ly hôn, chị và anh S vẫn sống ly thân và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định bản thân chị còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn với anh S.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống anh S và chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Thảo Tr, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Trần Thanh Th, sinh ngày 17/12/2015 (hiện cả hai cháu đang sống cùng chị). Trường hợp nếu phải ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh S có khoản nợ chung sau: Ngày 31/10/2016 chị có đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số CR 005000709 vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 35.000.000 đồng, đây là nợ chung của vợ chồng chị trong thời kì hôn nhân. Đối với việc Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu cá nhân chị trả số tiền còn nợ 32.832.837 đồng (trong đó nợ gốc là 26.967.571 đồng và tiền nợ lãi là 5.865.266 đồng), chị đồng ý với yêu cầu của Công ty.

* Quá trình giải quyết vụ kiện Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ngày 31/10/2016 chị Lê Thị Ánh T có đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số CR 005000709 vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn vay là 18 tháng. Theo đó, vào ngày 01 hàng tháng chị T phải thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền là 2.660.810 đồng liên tục trong 17 tháng trả góp, tháng cuối cùng thanh toán 2.231.041 đồng, kì đóng tiền đầu tiên là ngày 01/12/2016 và kết thúc vào ngày 01/5/2018. Tuy nhiên, từ kì đóng tiền thứ 06 chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu cá nhân chị T trả số tiền còn nợ 32.832.837 đồng (trong đó nợ gốc 26.967.571 đồng, nợ lãi là 3.902.471 đồng, tiền phí phạt chưa thanh toán là 1.962.795 đồng).

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh S và chị T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng nên anh S có nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn lại để có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thực tế là từ tháng 11/2016 cho đến nay, chị T, anh S đã sống ly thân. Nay anh S xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn tuy nhiên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh S xin ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thảo Tr, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Trần Thanh Th, sinh ngày 17/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị T, anh S thống nhất xác định không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nợ chung: Chị T, anh S thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị có nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 32.832.837 đồng (trong đó nợ gốc 26.967.571 đồng, nợ lãi là 3.902.471 đồng, tiền phí phạt chưa thanh toán là 1.962.795 đồng). Trong tổng số tiền 32.832.937 đồng có số tiền phí phạt chưa thanh toán là 1.962.795 đồng, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của Công ty. Phía Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H chỉ yêu cầu cá nhân chị T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ và chị T, anh S cũng đồng ý với yêu cầu nêu trên nên đề nghị Tòa án buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 30.870.042 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là anh Trần Văn S kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Lê Thị Ánh T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Lê Thị Ánh T có địa chỉ tại khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là chị Lê Thị Ánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ kiện:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 2009 anh S và chị T tự nguyện chung sống vợ chồng và đến năm 2015 thì có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét việc anh S yêu cầu ly hôn cũng như việc chị T không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng anh S, chị T đều thống nhất xác định giữa vợ chồng đã có xảy ra mâu thuẫn và thực tế chị T, anh S đã sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Hơn nữa, năm 2017 anh S đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị T, sau đó rút lại yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị T là có xảy ra trên thực tế, đến nay giữa anh S và chị T vẫn không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S, xử cho anh S được ly hôn với chị T.

[3.2] Về con chung: Anh S, chị T thống nhất trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Trần Thị Thảo Tr, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Trần Thanh Th, sinh ngày 17/12/2015. Khi ly hôn anh S đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp nếu phải ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Giao cháu Trần Thị Thảo Tr, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Trần Thanh Th, sinh ngày 17/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về tài sản chung: Anh S và chị T thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu cá nhân chị T trả số tiền còn nợ 32.832.837 đồng (trong đó nợ gốc là 26.967.571 đồng, nợ lãi là 3.902.471 đồng, tiền phí phạt chưa thanh toán là 1.962.795 đồng). Trong phần yêu cầu của Công ty có cả tiền phí phạt chưa thanh toán. Theo qui định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư liên tịch số 39/2016 ngày 20/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước qui định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì không có qui định về tiền phí phạt chưa thanh toán. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của Công ty đối với số tiền phí phạt chưa thanh toán là 1.962.795 đồng.

Đối với khoản nợ còn lại là 30.870.042 đồng, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu cá nhân chị T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty. Anh S, chị T thống nhất đây là nợ chung trong thời kì hôn nhân nhưng do Công ty chỉ yêu cầu cá nhân chị T có trách nhiệm thanh toán nợ nên anh S, chị T thống nhất với yêu cầu của Công ty. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với qui định pháp luật nên được ghi nhận. Buộc chị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 30.870.042 (trong đó nợ gốc là 26.967.571 đồng, nợ lãi là 3.902.471) là phù hợp.

[6] Về án phí:

Anh S yêu cầu ly hôn với chị T nên anh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H là 1.543.500 đồng.

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

-Áp dụng khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn S được ly hôn với chị Lê Thị Ánh T.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thảo Tr, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Trần Thanh Th, sinh ngày 17/12/2015 cho chị Lê Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cả hai cháu đang sống cùng chị T). Anh Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Không có.

4/. Về nợ:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison.

Buộc chị Lê Thị Ánh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 30.870.042 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm bảy chục ngàn không trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 26.967.571 đồng và nợ lãi là 3.902.471 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison yêu cầu chị Lê Thị Ánh T thanh toán số tiền phí phạt chưa thanh toán là 1.962.795 đồng.

5/. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007841 ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, nay được chuyển thu án phí.

Chị Lê Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.543.500 đồng.

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison đã nộp 820.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008088 ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, khấu trừ tiền án phí phải nộp Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison được hoàn lại 520.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng kí kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Tăng Trần Quỳnh Phương